

Số: 33 /TB-BVTN

Thủy Nguyên, ngày 31 tháng 3 năm 2025

THÔNG BÁO GIÁ THU

Dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW 2017 ngày 25/10/2017 của BCHTW Đảng về nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ vào Nghị quyết cuộc họp của Bệnh viện ngày 21/3/2025;

Để đáp ứng nhu cầu của người bệnh, Bệnh viện Thông báo giá dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu (*phụ lục chi tiết kèm theo*).

Thông báo này có hiệu lực từ ngày ký.

Bệnh viện Đa khoa Thủy Nguyên Thông báo đến các khoa, phòng và người bệnh được biết.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Lãnh đạo BV;
- Các khoa, phòng;
- Cổng thông tin Bệnh viện;
- Lưu VT./.



GIÁM ĐỐC

Lê Khắc Tùng



Danh mục dịch vụ kỹ thuật theo yêu cầu
Phụ lục kèm theo TB số 33 /TB-BVTN ngày 31/3/2025

STT	STT NQ103	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Phân Loại PTT	Giá DVKT theo yêu cầu (VNĐ)	Giá theo NQ 103	Chênh lệch người bệnh có thẻ BHYT phải nộp	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10
1	3.024	03.2155.0869	Cầm máu mũi bằng Meroxio (2 bên)	Cầm máu mũi bằng Meroxio (2 bên)	T2	420.000	286.500	133.500	
2	3.040	03.2181.0878	Trích áp xe quanh Amidan	Trích áp xe quanh Amidan	T1	400.000	295.500	104.500	
3	3.042	03.2175.0879	Trích áp xe thành sau họng	Trích áp xe thành sau họng	P2	400.000	295.500	104.500	
4	3.057	03.2191.0898	Khí dung mũi họng	Khí dung mũi họng	T1	50.000	27.500	22.500	Chưa bao gồm thuốc khí dung.
5	3.063	03.2184.0899	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản	T1	60.000	22.000	38.000	Chưa bao gồm thuốc.
6	3.066	03.2178.0900	Lấy dị vật hạ họng	Lấy dị vật hạ họng	T2	100.000	43.100	56.900	
7	2.034	03.2119.0505	Trích nhọt ống tai ngoài	Trích nhọt ống tai ngoài	P2	350.000	218.500	131.500	
8	2.035	03.3909.0505	Trích rạch áp xe nhỏ	Trích rạch áp xe nhỏ	TDB	350.000	218.500	131.500	
9	3.069	03.2117.0901	Lấy dị vật tai	Lấy dị vật tai [đơn giản]	T1	120.000	70.300	49.700	
10	3.080	15.0143.0907	Lấy dị vật mũi	Lấy dị vật mũi [không gây mê]	T2	294.000	213.900	80.100	
11	3.082	15.0059.0908	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	T2	100.000	70.300	29.700	
12	3.083	12.0092.0909	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm [gây mê]	P2	2.200.000	1.385.400	814.600	
13	3.085	15.0045.0909	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai, u bã đậu dái tai	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai, u bã đậu dái tai [gây mê]	P3	2.000.000	1.385.400	614.600	
14	3.086	28.0158.0909	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai [gây mê]	P3	2.000.000	1.385.400	614.600	
15	3.087	12.0092.0910	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm [gây tê]	P2	1.500.000	874.800	625.200	

STT	STT NQ10 3	Mã trương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT- BYT	Tên dịch vụ phê duyet giá	Phân Loại PTT T	Giá DVKT theo yêu cầu (VNĐ)	Giá theo NQ 103	Chênh lệch người bệnh có thẻ BHYT phải nộp	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10
17	3.172	15.0049. 0971	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ	P3	4.500.000	3.209.900	1.290.100	
18	3.028	03.2179. 0870	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê [gây mê]	P2	4.500.000	1.217.100	3.282.900	
19	3.033	15.0046. 0872	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ [gây tê]	P3	3.000.000	580.400	2.419.600	
20	3.178	15.0166. 0978	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xơ/u hạt dây thanh (gây tê/gây mê)	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xơ/u hạt dây thanh (gây tê/gây mê)	P2	4.500.000	3.180.600	1.319.400	
21			Khám bệnh chuyên gia			200.000	45.000	155.000	